



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thông tin Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số

0100107155

ngày 15 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội. Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 15 tháng 3 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh sáu lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100107155 ngày 24 tháng 2 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Dũng
Ông Nguyễn Minh Chung
Bà Dương Thị Huệ
Bà Nguyễn Thị Nga
Bà Lê Thanh Hà
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang

Chủ tịch (từ ngày 21/2/2024)
Chủ tịch (đến ngày 20/2/2024)
Phó Chủ tịch (từ ngày 21/2/2024)
Phó Chủ tịch (đến ngày 20/2/2024)
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Kim Hà
Bà Vũ Hoài Châu
Ông Trịnh Minh Tú

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Trần Xuân Sơn
Ông Nguyễn Thanh Tuyên
Ông Nguyễn Trí Trung

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 273 Phố Kim Mã, Phường Giảng Võ
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00195-25-1



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3073-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Quốc Khánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5594-2025-007-1

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		556.255.789.738	546.713.777.672
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	22.499.631.213	43.753.267.138
Tiền	111		16.499.631.213	36.153.267.138
Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	7.600.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		502.297.000.000	461.143.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	502.297.000.000	461.143.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.612.496.181	39.209.897.006
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	9.646.858.824	11.463.500.205
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		417.734.084	1.320.160.509
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	20.595.819.295	26.474.152.314
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(47.916.022)	(47.916.022)
Hàng tồn kho	140		355.435.591	352.462.086
Hàng tồn kho	141		355.435.591	352.462.086
Tài sản ngắn hạn khác	150		491.226.753	2.255.151.442
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		491.226.753	523.479.436
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	-	1.731.672.006

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		335.529.320.459	335.940.639.927
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.500.500.000	1.103.172.250
Phải thu dài hạn khác	216		1.500.500.000	1.103.172.250
Tài sản cố định	220		3.737.787.781	4.176.975.985
Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.737.787.781	4.176.975.985
Nguyên giá	222		24.468.652.290	24.468.652.290
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.730.864.509)	(20.291.676.305)
Bất động sản đầu tư	230	11	39.874.088.499	39.948.894.031
Nguyên giá	231		78.384.152.645	75.824.021.957
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(38.510.064.146)	(35.875.127.926)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	134.259.259
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	134.259.259
Đầu tư tài chính dài hạn	250		287.646.705.597	287.580.206.073
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	6(b)	285.774.104.867	285.774.104.867
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	1.872.600.730	1.872.600.730
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	-	(66.499.524)
Tài sản dài hạn khác	260		2.770.238.582	2.997.132.329
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.770.238.582	2.997.132.329
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)			891.785.110.197	882.654.417.599

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		32.895.192.011	33.623.439.334
Nợ ngắn hạn	310		26.393.399.717	27.992.338.534
Phải trả người bán ngắn hạn	311		343.901.587	445.482.618
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		37.617.035	56.625.370
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	4.164.571.200	4.784.451.078
Phải trả người lao động	314		3.004.311.351	875.134.410
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		659.798.977	2.812.251.561
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	14	5.196.555.569	4.760.800.737
Phải trả ngắn hạn khác	319	15(a)	11.047.518.951	12.629.148.099
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	1.939.125.047	1.628.444.661
Nợ dài hạn	330		6.501.792.294	5.631.100.800
Phải trả dài hạn khác	337	15(b)	6.501.792.294	5.631.100.800
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		858.889.918.186	849.030.978.265
Vốn chủ sở hữu	410	17	858.889.918.186	849.030.978.265
Vốn cổ phần	411	18	748.000.000.000	748.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		748.000.000.000	748.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.231.896.222	1.231.896.222
Cổ phiếu quỹ	415		(34.320.000)	(34.320.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	27.989.155.271	24.390.289.157
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.703.186.693	75.443.112.886
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		-	-
- <i>LNST năm nay</i>	421b		81.703.186.693	75.443.112.886
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)			891.785.110.197	882.654.417.599

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Dương Thị Như
 Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thị Bích
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	22	144.189.716.652	140.652.250.756
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	23	112.280.935.392	105.358.839.681
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		31.908.781.260	35.293.411.075
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	74.905.239.350	66.625.372.763
Chi phí tài chính	22		(63.541.300)	(149.538.956)
Chi phí bán hàng	25	25	7.270.903.554	7.297.320.403
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	9.397.124.837	9.169.751.135
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		90.209.533.519	85.601.251.256
Thu nhập khác	31		149.164.839	230.638.904
Chi phí khác	32		37.820.486	29.140.250
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		111.344.353	201.498.654
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		90.320.877.872	85.802.749.910
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	8.617.691.179	10.359.637.024
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		81.703.186.693	75.443.112.886
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.092	1.009

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập:


Dương Thị Như
Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:


Nguyễn Thị Bích
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		90.320.877.872	85.802.749.910
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		3.074.124.424	2.772.671.069
Các khoản dự phòng	03		(66.499.524)	(202.313.116)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.014.079.644)	(2.566.635.358)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(70.771.444.636)	(63.870.557.263)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		18.542.978.492	21.935.915.242
Biến động các khoản phải thu	09		2.092.381.047	(447.665.699)
Biến động hàng tồn kho	10		(2.973.505)	28.810.419
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(324.172.364)	(1.251.722.984)
Biến động chi phí trả trước	12		259.146.430	(1.226.189.900)
			20.567.360.100	19.039.147.078
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.335.637.024)	(9.343.057.496)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.215.906.386)	(1.649.611.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.015.816.690	8.046.478.082
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.111.632.920)	(1.542.154.361)
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(520.766.000.000)	(515.595.055.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24		483.095.000.000	501.672.055.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		77.355.315.600	54.018.588.783
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		38.572.682.680	38.553.434.422

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả cổ tức	36		(67.314.469.500)	(26.169.566.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(67.314.469.500)	(26.169.566.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(21.725.970.130)	20.430.346.504
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		43.753.267.138	22.968.222.546
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		472.334.205	354.698.088
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	22.499.631.213	43.753.267.138

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Dương Thị Như
Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:

Nguyễn Thị Bích
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch và hàng hóa;
- Kinh doanh ăn uống, đặc sản cao cấp và bình dân (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Hướng dẫn du lịch, phiên dịch; dịch vụ thông tin (trừ loại thông tin Nhà nước cấm);
- Dịch vụ vui chơi, giải trí, xông hơi xoa bóp (không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);
- Kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các đối tượng trong và ngoài nước;
- Kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp;
- Lập dự án, đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch, khách sạn, khu đô thị, trung tâm thương mại dịch vụ;
- Các loại hình dịch vụ khác: cho thuê hoạt động (nấu ăn, phiên dịch, lái xe);
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, kinh doanh hàng lưu niệm, tranh ảnh nghệ thuật, mỹ phẩm cao cấp; và
- May đo, giặt là, cắt uốn tóc, chăm sóc sắc đẹp, trang điểm (không bao gồm các dịch vụ gây chảy máu).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 3 đơn vị phụ thuộc (1/1/2024: 3 đơn vị phụ thuộc) như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Trung tâm Lễ hành	Số 273 Kim Mã, Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội	Dịch vụ du lịch
2	Xí nghiệp Dịch vụ Du lịch (*)	Số 273 Kim Mã, Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh cho thuê văn phòng, ăn uống và dịch vụ khác
3	Trung tâm Dịch vụ, Đại lý vé máy bay	Số 273 Kim Mã, Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội	Đại lý vé máy bay

(*) Theo Quyết định số 63/2024/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 12 năm 2024, Công ty quyết định giải thể Xí nghiệp dịch vụ du lịch kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2025.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 2 công ty liên doanh và 1 công ty liên kết (1/1/2024: 2 công ty liên doanh và 1 công ty liên kết) như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty liên doanh			
1	Công ty liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	D8, Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
2	Công ty TNHH Global Toserco	Số 40 Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Công ty liên kết			
1	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Số 269 Kim Mã, Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 70 nhân viên (1/1/2024: 72 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính này.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (cho các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (cho các khoản mục phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 năm

(g) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất	4 – 35 năm
---	------------

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư chưa được lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí địa chính

Chi phí địa chính phản ánh giá trị còn lại của khoản chi phí trả trước cho Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội liên quan đến dịch vụ tư vấn địa chính tại tòa nhà số 2 Núi Trúc, Quận Ba Đình, Hà Nội. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 25 năm.

(ii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định và bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(l) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của kỳ kế toán năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và trong năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do đó, không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các cổ đông là doanh nghiệp có ảnh hưởng đáng kể và các công ty liên doanh, liên kết của Công ty.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

Công ty có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Cho thuê văn phòng (kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các tổ chức và cá nhân) và đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ khách sạn (được gọi chung là “Cho thuê văn phòng và đầu tư vào khách sạn”).
- Vận hành tour du lịch: kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa và các dịch vụ liên quan; và
- Đại lý vé máy bay: kinh doanh vé máy bay.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng, hiện tại Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho thuê văn phòng và đầu tư vào khách sạn VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	52.870.743.190	50.796.439.693	40.522.533.769	144.189.716.652
Cổ tức nhận được từ các công ty liên doanh, liên kết trong lĩnh vực khách sạn	44.210.119.518	-	-	44.210.119.518
Tổng doanh thu của bộ phận	97.080.862.708	50.796.439.693	40.522.533.769	188.399.836.170
Kết quả kinh doanh của bộ phận	70.678.025.504	2.105.548.818	3.335.326.456	76.118.900.778
Trong đó, kết quả hoạt động kinh doanh của:				
- Hoạt động cho thuê văn phòng	26.467.905.986			30.844.284.671
- Hoạt động đầu tư vào khách sạn	44.210.119.518			(16.642.307.577)
Doanh thu hoạt động tài chính khác và thu nhập khác				
Chi phí tài chính và các chi phí hoạt động kinh doanh khác				
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp				90.320.877.872
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(8.617.691.179)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				81.703.186.693

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Cho thuê văn phòng và đầu tư vào khách sạn VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận Cổ tức nhận được từ các công ty liên doanh, liên kết trong lĩnh vực khách sạn	51.737.937.929 30.210.309.310	53.075.917.204 -	35.838.395.623 -	140.652.250.756 30.210.309.310
Tổng doanh thu của bộ phận	81.948.247.239	53.075.917.204	35.838.395.623	170.862.560.066
Kết quả kinh doanh của bộ phận	60.232.643.562	2.079.320.495	3.191.756.328	65.503.720.385
Trong đó, kết quả hoạt động kinh doanh của: - Hoạt động cho thuê văn phòng - Hoạt động đầu tư vào khách sạn	30.022.334.252 30.210.309.310			36.645.702.357 (16.346.672.832)
Doanh thu hoạt động tài chính khác và thu nhập khác Chi phí tài chính và các chi phí hoạt động kinh doanh khác				85.802.749.910 (10.359.637.024)
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				75.443.112.886
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Cho thuê văn phòng và đầu tư vào khách sạn VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	596.702.647.753	1.037.666.734	6.398.090.113	604.138.404.600
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết trong lĩnh vực khách sạn	285.774.104.867	-	-	285.774.104.867
Tài sản không phân bổ khác	-	-	-	1.872.600.730
Tổng tài sản				891.785.110.197

Nợ phải trả của bộ phận

31.825.947.030	548.073.217	521.171.764	32.895.192.011
----------------	-------------	-------------	----------------

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Cho thuê văn phòng và đầu tư vào khách sạn VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	439.188.204	-	-	439.188.204
Khấu hao bất động sản đầu tư	2.634.936.220	-	-	2.634.936.220
Chi tiêu vốn	1.111.632.920	-	-	1.111.632.920



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024

	Cho thuê văn phòng và đầu tư vào khách sạn VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	586.510.313.110	1.213.746.696	7.350.151.720	595.074.211.526
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết trong lĩnh vực khách sạn	285.707.605.343	-	-	285.707.605.343
Tài sản không phân bổ khác	-	-	-	1.872.600.730
Tổng tài sản				882.654.417.599
Nợ phải trả của bộ phận	31.412.932.612	601.929.194	1.608.577.528	33.623.439.334

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Cho thuê văn phòng và đầu tư vào khách sạn VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	190.233.089	-	-	190.233.089
Khấu hao bất động sản đầu tư	2.582.437.980	-	-	2.582.437.980
Chi tiêu vốn	1.542.154.361	-	-	1.542.154.361



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	77.089.132	78.790.667
Tiền gửi ngân hàng	16.422.542.081	36.074.476.471
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	7.600.000.000
	22.499.631.213	43.753.267.138

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 2,8%/năm (1/1/2024: 3,5%/năm).

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Chi tiết số dư các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	31/12/2024		1/1/2024	
			Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	USD	0%	3.000.000	75.753.000.000	3.000.000	72.270.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	VND	4,8% - 5,5%	235.000.000.000	235.000.000.000	230.300.000.000	230.300.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	VND	-	-	-	77.751.000.000	77.751.000.000
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	VND	5,0% - 6,7%	191.444.000.000	191.444.000.000	80.722.000.000	80.722.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	2,8%	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
				502.297.000.000		461.143.000.000

VIỆT NAM
2024
G T
H H
M G
VI - T

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

31/12/2024							
	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Đầu tư góp vốn vào:						Giá trị hợp lý VND	
	▪ Công ty liên doanh, liên kết						
	• Công ty TNHH Global Toserco	Hà Nội	35,00%	35,00%	209.672.714.716	- (*)	
	• Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	Hà Nội	29,58%	29,58%	61.365.277.633	- (*)	
• Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Hà Nội	178.625	40,00%	40,00%	14.736.112.518	- (*)	
					285.774.104.867	-	
▪ Đơn vị khác							
	• Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi	Hà Nội	13.000	5,20%	5,20%	1.872.600.730	- (*)
						287.646.705.597	-



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

					1/1/2024	
					% quyền biểu quyết	
					%	
					số hữu	
					Số lượng cổ phần	
					Địa chỉ	
						Giá gốc VND
						Dự phòng VND
						Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:						
▪ Công ty liên doanh, liên kết						
• Công ty TNHH Global Toserco					Hà Nội	209.672.714.716
• Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel					Hà Nội	61.365.277.633
• Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông					Hà Nội	14.736.112.518
						(66.499.524)
						(*)
						(*)
						(*)
						285.774.104.867
						(66.499.524)
▪ Đơn vị khác						
• Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi					Hà Nội	1.872.600.730
						5,20%
						5,20%
						-
						(*)
						287.646.705.597
						(66.499.524)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá gốc các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị khác của Công ty là giá trị đánh giá lại được phê duyệt theo Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội. Các khoản đầu tư này được Công ty định giá lại theo hướng dẫn của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”), Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2014 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty Honda Việt Nam	2.014.899.600	2.005.211.000
Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam	2.363.996.600	1.530.412.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	1.494.030.354	24.204.460
Các khách hàng khác	3.773.932.270	7.903.672.745
	9.646.858.824	11.463.500.205

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi tiền gửi (*)	13.898.576.791	20.482.447.755
Ký cược, ký quỹ	5.442.172.000	5.402.350.000
Tạm ứng cho nhân viên	472.115.770	182.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	782.954.734	406.854.559
	20.595.819.295	26.474.152.314

(*) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn từ lãi tiền gửi như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	7.964.533.698	12.767.369.448
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	-	4.351.806.942
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	5.912.246.634	3.362.834.105
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	21.796.459	437.260
	13.898.576.791	20.482.447.755

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2024				1/1/2024			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Xuân Hương	Từ 2 - 3 năm	356.916.022	(47.916.022)	309.000.000	Từ 1 - 2 năm	356.916.022	(47.916.022)	309.000.000

LIÊN
CH NH
CÔN
.001
4 - 7
PH
IG T
1071

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	4.957.830.531	17.096.963.577	2.371.258.182	42.600.000	24.468.652.290
Tăng trong năm	-	2.560.130.688	-	-	2.560.130.688
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(2.560.130.688)	-	-	(2.560.130.688)
Số dư cuối năm	4.957.830.531	17.096.963.577	2.371.258.182	42.600.000	24.468.652.290
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.133.039.970	16.794.884.365	1.360.362.293	3.389.677	20.291.676.305
Khấu hao trong năm	173.004.420	153.878.104	237.125.820	8.520.000	572.528.344
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(133.340.140)	-	-	(133.340.140)
Số dư cuối năm	2.306.044.390	16.815.422.329	1.597.488.113	11.909.677	20.730.864.509
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	2.824.790.561	302.079.212	1.010.895.889	39.210.323	4.176.975.985
Số dư cuối năm	2.651.786.141	281.541.248	773.770.069	30.690.323	3.737.787.781

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 16.583.514.485 VND (1/1/2024: 16.583.514.485 VND) đã khấu hao hết và đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	75.824.021.957
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	2.560.130.688
Số dư cuối năm	78.384.152.645
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	35.875.127.926
Khấu hao trong năm	2.501.596.080
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	133.340.140
Số dư cuối năm	38.510.064.146
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	39.948.894.031
Số dư cuối năm	39.874.088.499

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các bất động sản đầu tư có nguyên giá 2.032.166.459 VND (1/1/2024: 2.032.166.459 VND) đã khấu hao hết và đang được sử dụng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí địa chính VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	711.130.938	2.286.001.391	2.997.132.329
Tăng trong năm	-	1.073.344.000	1.073.344.000
Phân bổ trong năm	(36.158.880)	(1.264.078.867)	(1.300.237.747)
Số dư cuối năm	674.972.058	2.095.266.524	2.770.238.582

13. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	349.903.480	8.133.636.027	(8.036.212.419)	447.327.088
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.407.637.024	8.617.691.179	(9.335.637.024)	3.689.691.179
Thuế thu nhập cá nhân	26.910.574	945.705.404	(945.063.045)	27.552.933
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(1.731.672.006)	7.321.660.917	(5.589.988.911)	-
Các loại thuế khác	-	16.000.000	(16.000.000)	-
	3.052.779.072	25.034.693.527	(23.922.901.399)	4.164.571.200
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.731.672.006			-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.784.451.078			4.164.571.200

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh số tiền các khách hàng đã trả trước tiền thuê văn phòng từ 3 tháng đến 1 năm.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ tức phải trả	114.270.801	111.080.301
Nhận ký quỹ, ký cược	5.620.807.018	6.152.372.451
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.059.607.947	992.607.947
Phải trả ngắn hạn khác	4.252.833.185	5.373.087.400
	11.047.518.951	12.629.148.099

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	6.501.792.294	5.631.100.800

Phải trả dài hạn khác phản ánh các khoản đặt cọc dài hạn từ các khách hàng thuê văn phòng của Công ty.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	1.628.444.661	1.905.863.210
Trích lập trong năm	4.526.586.772	1.372.192.951
Sử dụng trong năm	(4.215.906.386)	(1.649.611.500)
	1.939.125.047	1.628.444.661

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2023	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	22.668.122.483	30.493.176.693	802.358.875.398
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	75.443.112.886	75.443.112.886
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.722.166.674	(1.722.166.674)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.372.192.951)	(1.372.192.951)
Trích Quỹ thưởng Ban Tổng Giám đốc, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.219.727.068)	(1.219.727.068)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(26.179.090.000)	(26.179.090.000)
Số dư tại ngày 1/1/2024	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	24.390.289.157	75.443.112.886	849.030.978.265
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	81.703.186.693	81.703.186.693
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.598.866.114	(3.598.866.114)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.263.293.386)	(2.263.293.386)
Trích Quỹ thưởng Ban Tổng Giám đốc, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.263.293.386)	(2.263.293.386)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(67.317.660.000)	(67.317.660.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	27.989.155.271	81.703.186.693	858.889.918.186

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	74.800.000	748.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành	74.800.000	748.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(2.600)	(34.320.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	74.797.400	747.974.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

19. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 8 tháng 5 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 67.317.660.000 VND (2023: 26.179.090.000 VND).

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.397.740	85.796.324.912	3.569.873	85.998.233.102
EUR	225	5.873.161	235	6.212.254
		85.802.198.073		86.004.445.356

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cam kết thuê

Các cam kết thuê hoạt động trong đó Công ty là bên cho thuê. Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo các thỏa thuận thuê hoạt động. Số tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo các thỏa thuận này tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng 1 năm	34.123.943.894	34.643.867.664
Trong vòng 2 đến 5 năm	58.343.456.100	94.539.882.949
Sau 5 năm	-	7.001.021.818
	92.467.399.994	136.184.772.431

22. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ liên quan	52.870.743.190	51.737.937.929
Doanh thu vận hành tour du lịch	50.796.439.693	53.075.917.204
Doanh thu từ đại lý vé máy bay	40.522.533.769	35.838.395.623
	144.189.716.652	140.652.250.756

23. Giá vốn dịch vụ cung cấp

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn cho thuê văn phòng và dịch vụ liên quan	26.402.837.204	21.715.603.677
Giá vốn vận hành tour du lịch	48.690.890.875	50.996.596.709
Giá vốn từ đại lý vé máy bay	37.187.207.313	32.646.639.295
	112.280.935.392	105.358.839.681

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi (*)	26.424.483.013	33.660.247.953
Cổ tức, lợi nhuận được chia	44.346.961.623	30.210.309.310
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	119.715.070	188.180.142
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.014.079.644	2.566.635.358
	74.905.239.350	66.625.372.763

(*) Trong đó, chi tiết doanh thu lãi tiền gửi theo ngân hàng như sau:

	2024 VND	2023 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	2.888.194.409	5.677.371.254
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	14.950.427.348	17.710.643.831
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	8.559.960.160	10.054.807.025
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	25.795.708	6.901.775
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	105.388	210.524.068
	26.424.483.013	33.660.247.953

25. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	6.756.497.824	6.781.784.163
Chi phí khấu hao	-	6.999.235
Chi phí dịch vụ mua ngoài	231.680.158	235.124.564
Chi phí bằng tiền khác	282.725.572	273.412.441
	7.270.903.554	7.297.320.403

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	7.474.814.588	7.367.160.034
Chi phí khấu hao	410.140.812	405.010.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	590.583.288	809.627.787
Chi phí kiểm toán	242.000.000	242.000.000
Chi phí khác	679.586.149	345.952.825
	9.397.124.837	9.169.751.135

27. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	544.706.517	336.767.725
Chi phí nhân viên	18.064.840.570	17.877.546.144
Chi phí khấu hao	3.074.124.424	2.772.671.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.664.580.348	98.558.945.794
Chi phí khác	2.601.008.869	2.235.981.407
	128.949.260.728	121.781.912.139

28. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	8.617.691.179	10.784.561.049
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(424.924.025)
	8.617.691.179	10.359.637.024

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	90.320.877.872	85.802.749.910
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	18.064.175.574	17.160.549.982
Thuế trên thu nhập không bị tính thuế	(8.869.392.325)	(6.042.061.862)
Thuế trên chi phí không được khấu trừ thuế	179.334.549	179.400.000
Thuế trên biến động các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(756.426.619)	(513.327.071)
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(424.924.025)
	8.617.691.179	10.359.637.024

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

29. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 81.703.186.693 VND (2023: 75.443.112.886 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 74.797.400 cổ phiếu (2023: 74.797.400 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào các quỹ này cho năm 2024. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty liên doanh		
Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel		
Nhận cổ tức	37.210.119.518	30.210.309.310
Cung cấp dịch vụ	595.059.963	618.492.914
Mua hàng hóa	21.468.664	45.170.185
Công ty TNHH Global Toserco		
Nhận cổ tức	7.000.000.000	-
Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể		
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội – Công ty TNHH		
Chi trả cổ tức	30.422.700.000	11.831.050.000
Công ty Cổ phần Phát triển TN		
Chi trả cổ tức	18.000.000.000	7.000.000.000
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi		
Nhận cổ tức	136.842.105	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á		
<i>(đến ngày 20/2/2024)</i>		
Lãi tiền gửi	133.007.788	17.710.643.831
Tất toán tiền gửi	60.000.000.000	354.380.000.000
Tiền gửi ngắn hạn	131.170.000.000	334.158.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Thăng Lợi		
Cung cấp dịch vụ	247.888.889	286.342.222
Mua dịch vụ	25.925.926	23.136.363
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Văn Dũng – Chủ tịch		
Lương, thưởng và thù lao	169.655.172	-
Bà Dương Thị Huệ – Phó Chủ tịch		
Lương, thưởng và thù lao	135.724.138	-
Ông Nguyễn Minh Chung – Chủ tịch		
Lương, thưởng và thù lao	401.071.042	403.500.355

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Bà Nguyễn Thị Nga – Phó Chủ tịch Lương, thưởng và thù lao	305.939.640	312.375.265
Bà Lê Thanh Hà – Thành viên Lương, thưởng và thù lao	323.911.684	234.250.177
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang – Thành viên Lương, thưởng và thù lao	323.911.684	234.250.177
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên Lương, thưởng và thù lao	323.911.684	234.250.177
Ban Tổng Giám đốc Ông Nguyễn Kim Hà – Tổng Giám đốc Lương và thưởng	1.119.831.684	988.170.177
Ông Trịnh Minh Tú – Phó Tổng Giám đốc Lương và thưởng	591.929.347	520.200.141
Bà Vũ Hoài Châu – Phó Tổng Giám đốc Lương và thưởng	667.769.347	596.040.141
Thành viên Ban Kiểm soát Ông Trần Xuân Sơn – Trưởng ban Lương, thưởng và thù lao	532.129.347	460.400.141
Ông Nguyễn Thanh Tuyền – Thành viên Lương, thưởng và thù lao	161.955.842	117.125.088
Ông Nguyễn Trí Trung – Thành viên Thù lao và thưởng	119.403.000	38.666.667
Kế toán trưởng (*) Ông Tạ Ngọc Lãm Lương, thưởng	640.409.347	568.680.141

(*) Ông Tạ Ngọc Lãm là Kế toán trưởng của Công ty đến ngày 17 tháng 2 năm 2025.

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2024 VND	2023 VND
Chuyển từ tiền gửi tiết kiệm qua kỳ quỹ dài hạn	-	1.000.000.000

32. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Dương Thị Như
Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thị Bích
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà
Tổng Giám đốc

